

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Ngày 31/12/2025	22,250 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.5%	-7.5%	3.4%

DT thuần Q4/25
3,414
tỷ VNĐ
QoQ: ▼315 -8.4%
YoY: ▲ 250 7.9%

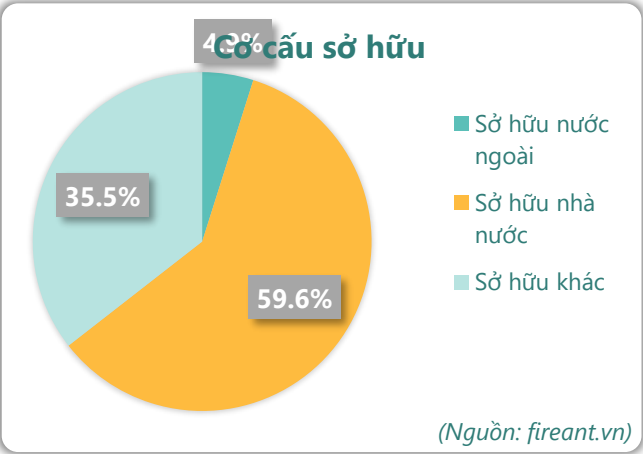
LN thuần Q4/25
234
tỷ VNĐ
QoQ: ▼116 -33.0%
YoY: ▲ 166 244%

LN sau thuế Q4/25
233
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.00 -2.6%
YoY: ▲ 192 473%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
9.0%
YoY: +/-▲ 3.7%

ROE 2025
9.5%
YoY: +/-▲ 4.7%

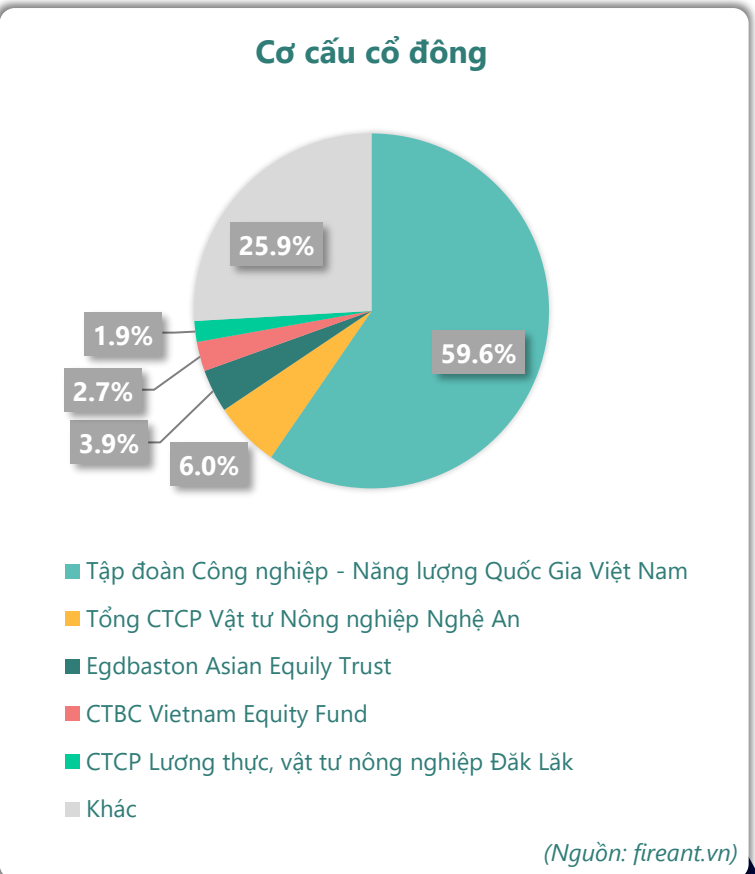
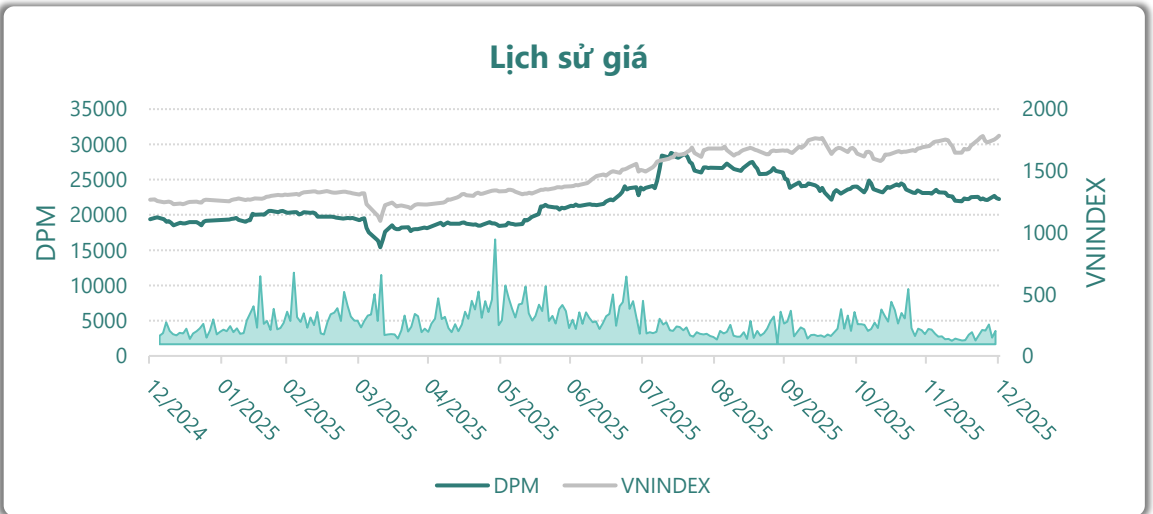
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,412 - 28,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15,128
Số lượng CPLH (CP)	679,925,021
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,189,095
Sở hữu nước ngoài	4.9%
Beta	0.75
EPS	1,579
P/E	14.1



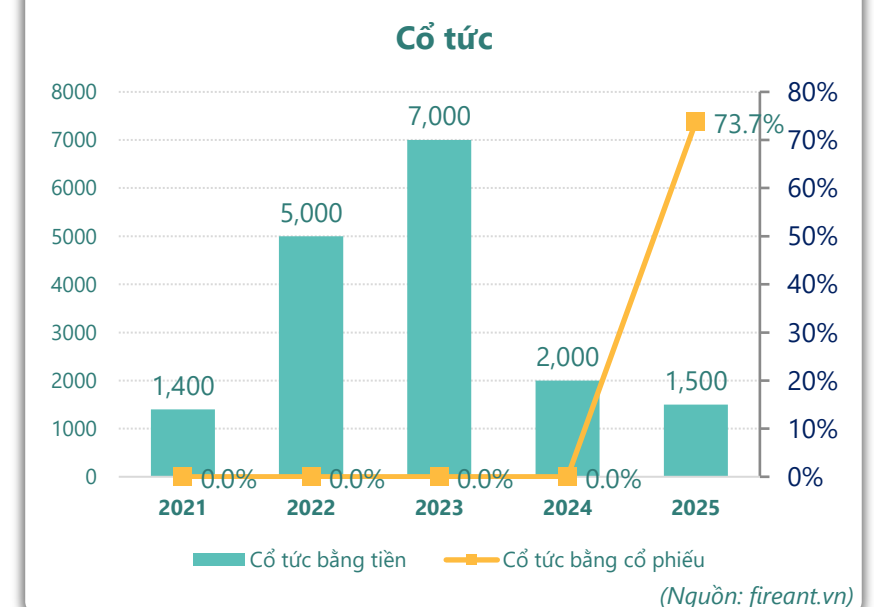
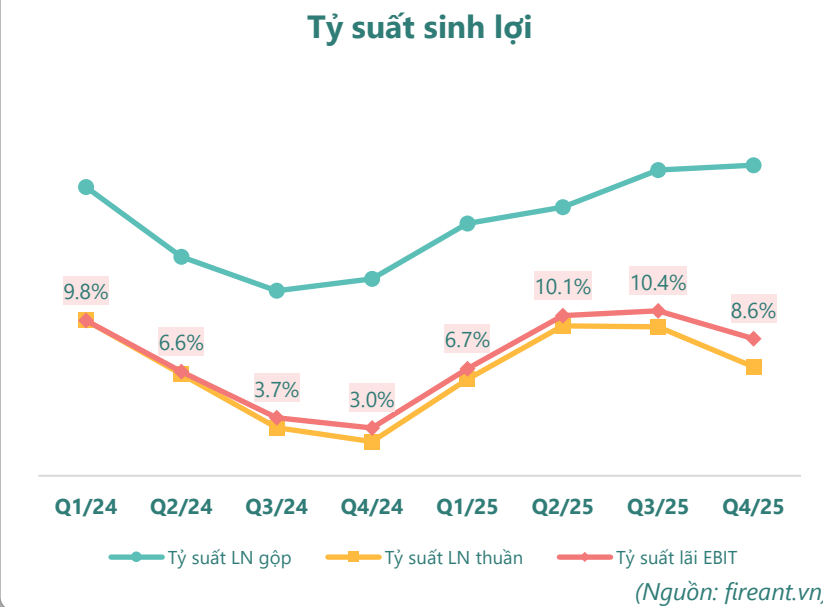
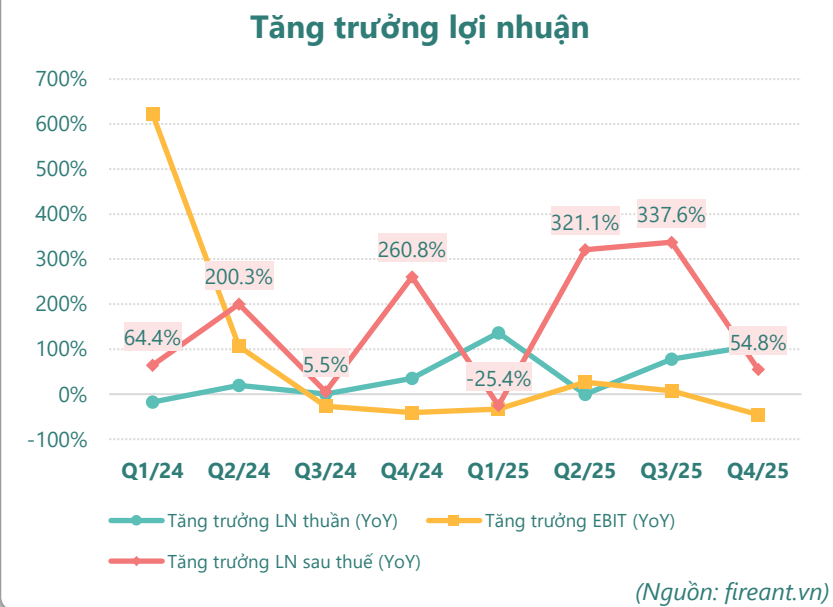
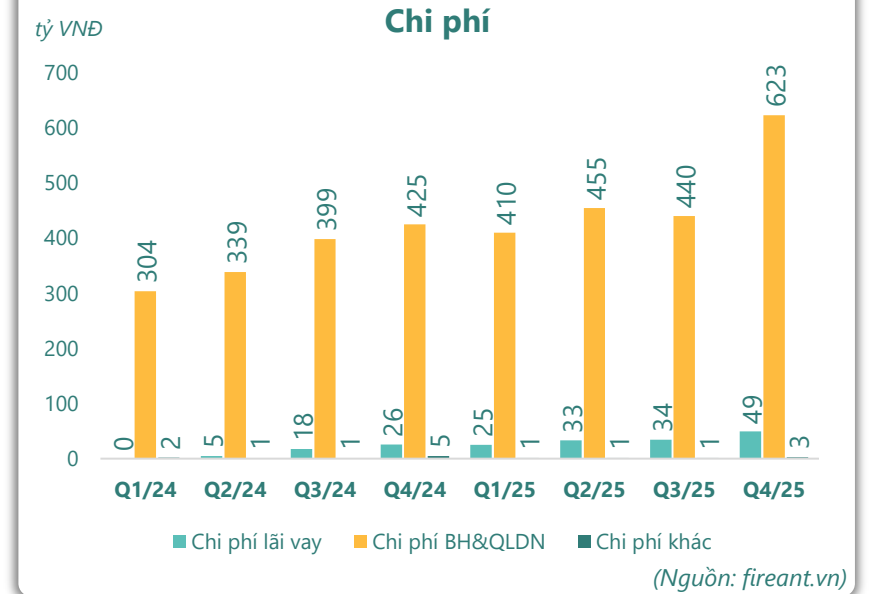
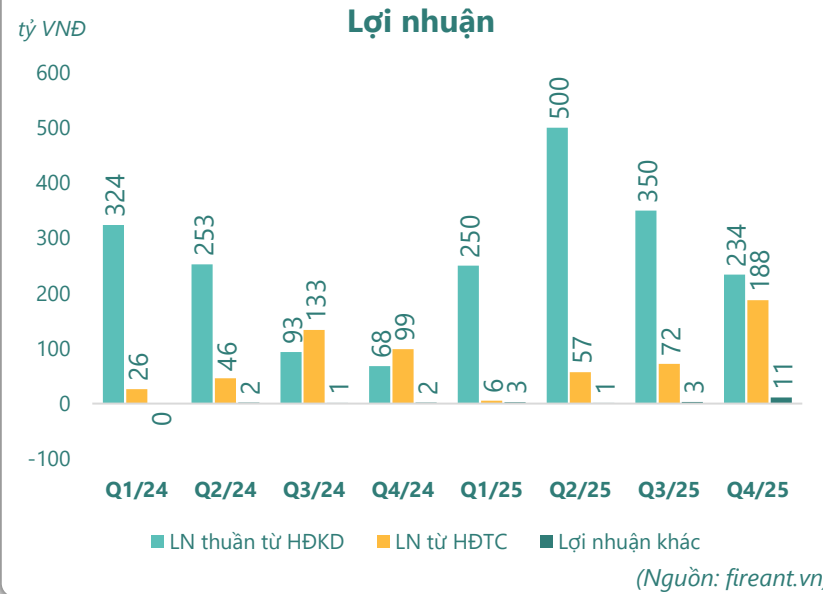
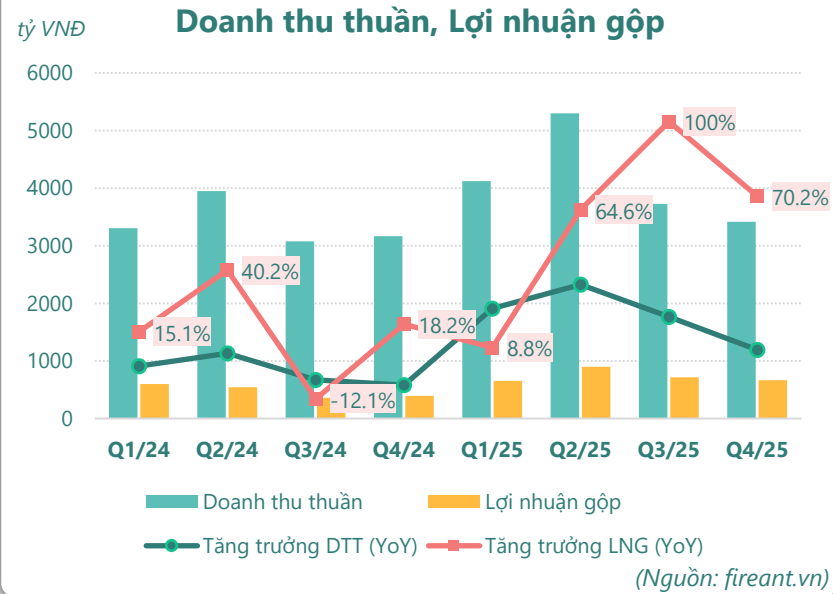
DT thuần 2025
16,564
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3,068 22.7%

LN thuần 2025
1,335
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 670 101%

LN sau thuế 2025
1,096
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 542 97.7%

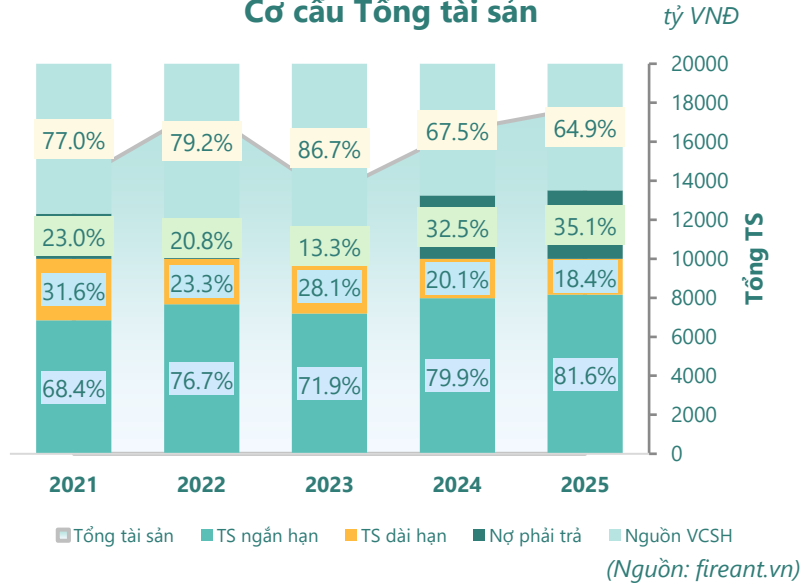


KẾT QUẢ KINH DOANH

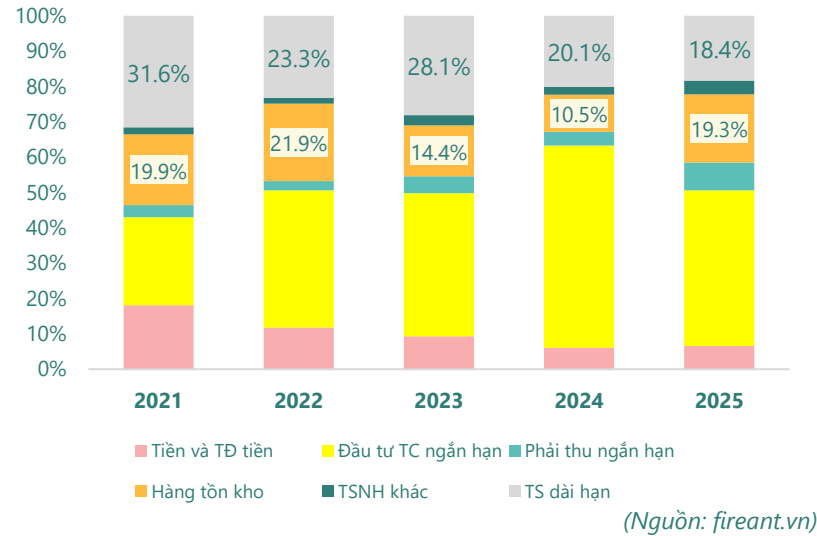


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

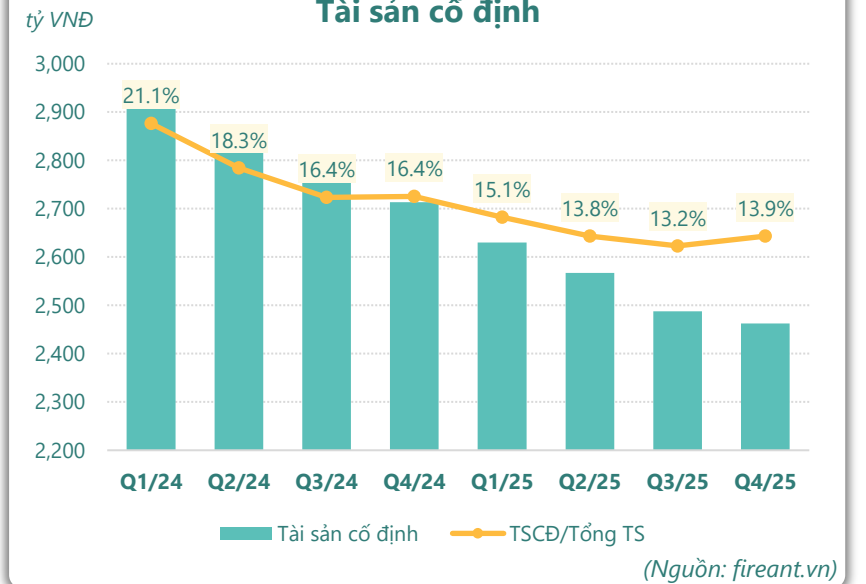
Cơ cấu Tổng tài sản



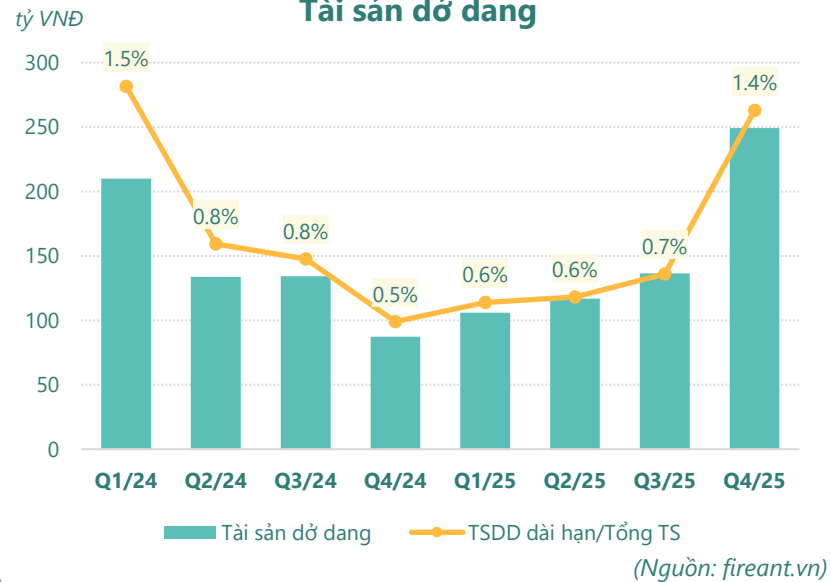
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



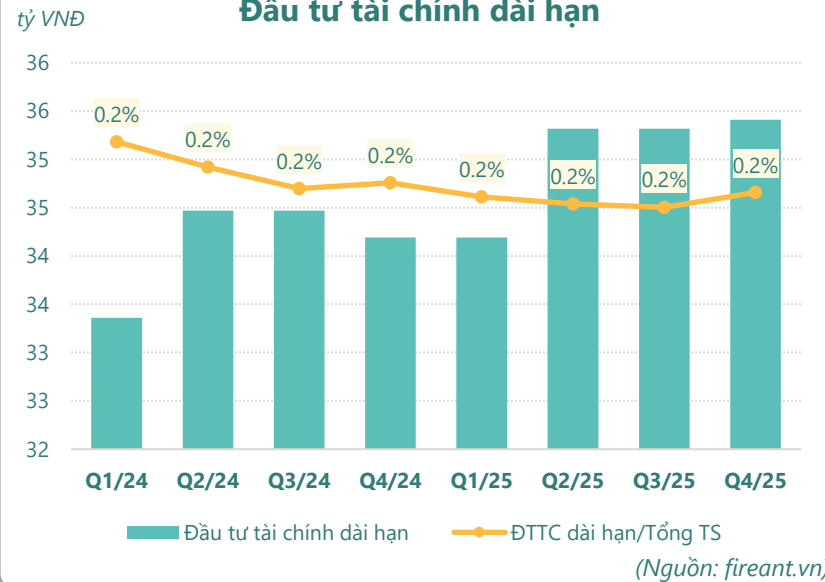
Tài sản cố định



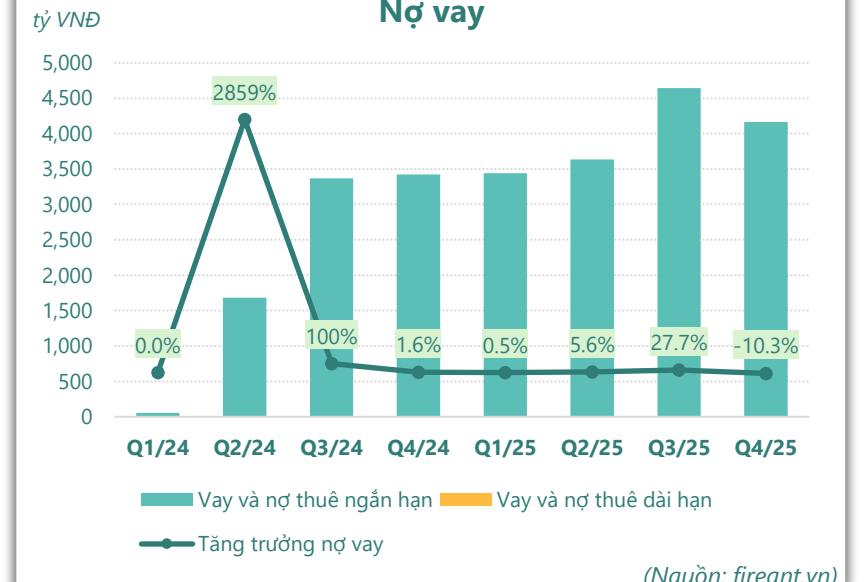
Tài sản dở dang



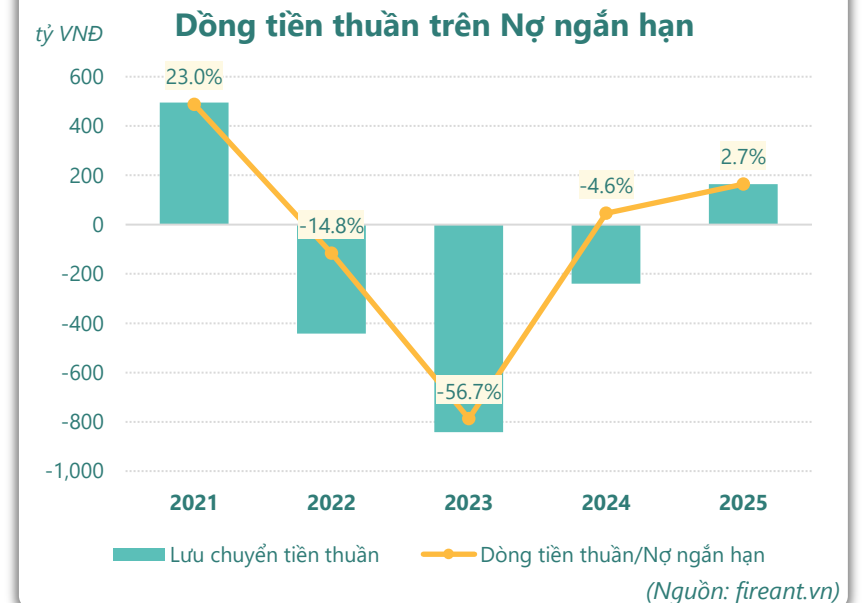
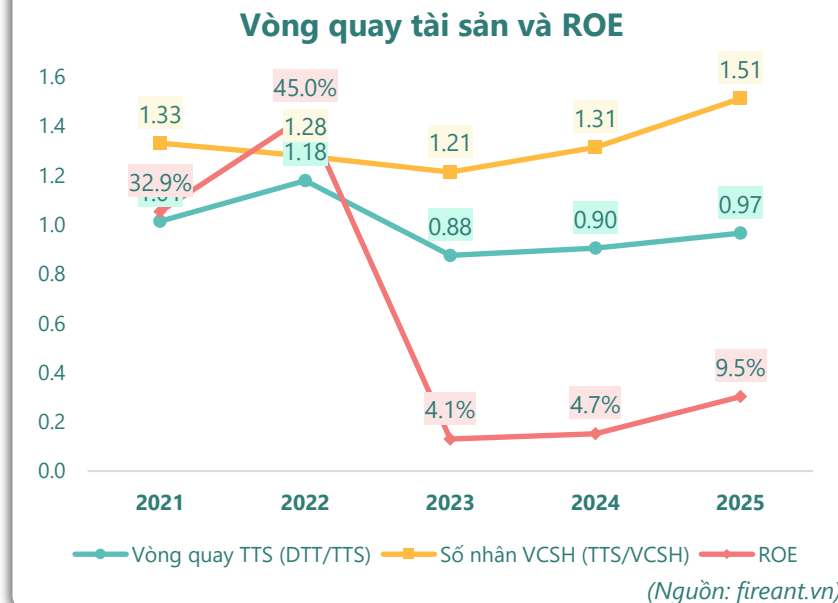
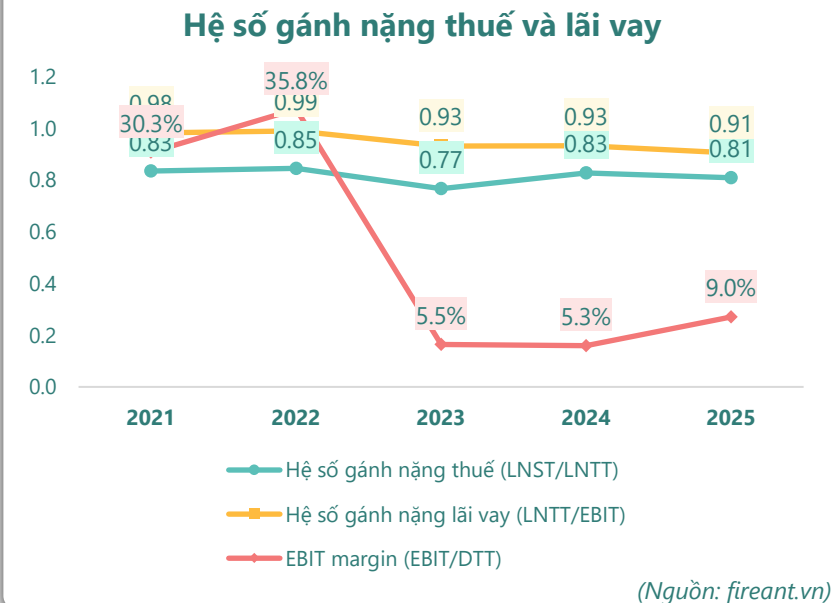
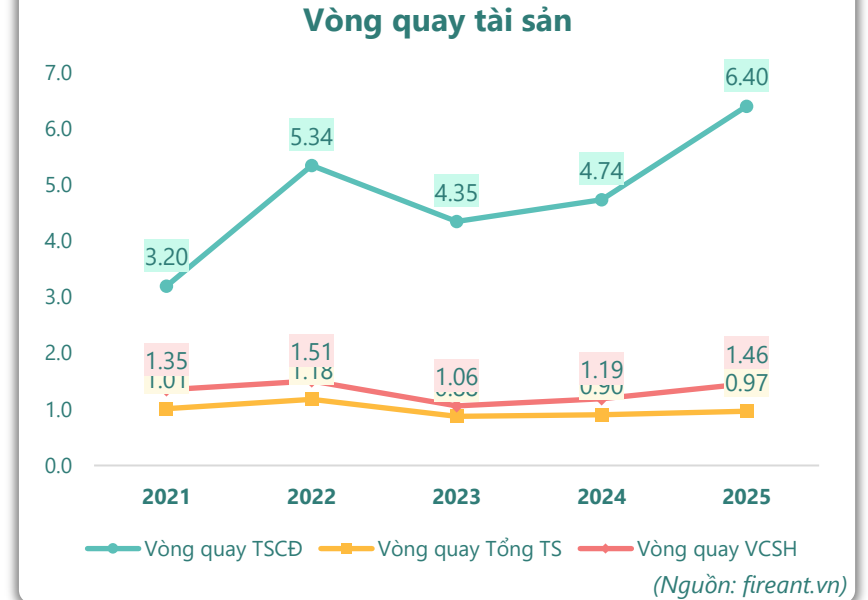
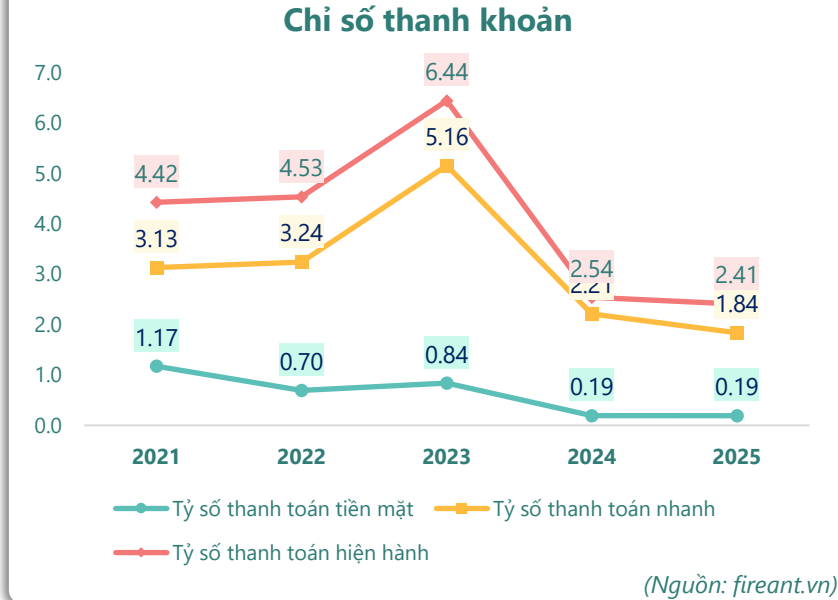
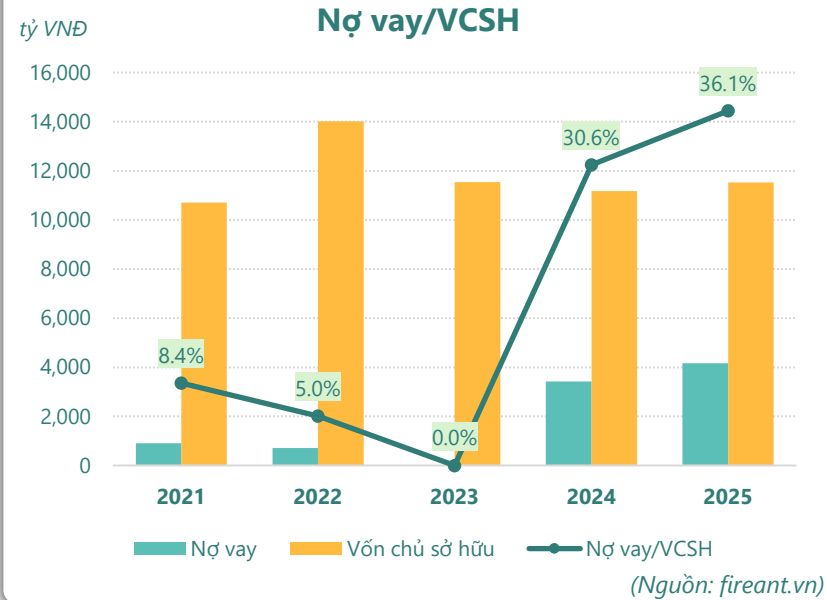
Đầu tư tài chính dài hạn



Nợ vay



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	3,414	3,164	7.9%	16,564	13,496	22.7%
Giá vốn hàng bán	2,746	2,771	-0.9%	13,626	11,598	17.5%
Lợi nhuận gộp	668	393	70.1%	2,939	1,898	54.8%
Doanh thu HĐTC	240	130	84.3%	487	369	31.9%
Chi phí TC	52.1	30.8	69.1%	164	65.0	153%
Chi phí lãi vay	49.4	25.5	93.8%	142	47.8	197%
LN trong công ty LKLD	1.91	1.54	24.1%	3.04	2.65	14.7%
Chi phí bán hàng	267	222	20.4%	1,017	837	21.4%
Chi phí QLDN	356	203	75.5%	912	703	29.8%
LN thuần từ HĐKD	234	68.1	244%	1,335	665	101%
Lợi nhuận khác	11.1	1.70	552%	18.0	4.46	305%
LN trước thuế	245	69.8	252%	1,353	669	102%
Lợi nhuận sau thuế	233	40.6	473%	1,096	554	97.7%
LNST của CĐ cty mẹ	230	36.1	536%	1,074	538	99.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-184	-356	203	1,035	-2,086	-1,224
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-121	84.5	-499	-986	1,524	2,042
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	904	91.2	18.8	194	379	-436
Tiền đầu kỳ	590	1,188	1,005	728	971	788
Lưu chuyển tiền thuần	598	-180	-277	242	-184	382
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.46	-3.18	0	0.53	0	-0.93
Tiền cuối kỳ	1,188	1,005	728	971	788	1,168

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	17,777	16,552	7.4%
Tài sản ngắn hạn	14,510	13,220	9.8%
Tiền và tương đương tiền	1,168	1,005	16.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7,835	9,464	-17.2%
Phải thu ngắn hạn	1,390	653	113%
Hàng tồn kho	3,434	1,731	98.4%
Tài sản ngắn hạn khác	683	367	86.1%
Tài sản dài hạn	3,267	3,333	-2.0%
Phải thu dài hạn	1.52	1.13	34.9%
Tài sản cố định	2,463	2,711	-9.2%
Bất động sản đầu tư	171	181	-5.4%
Tài sản dở dang	249	89.4	179%
Đầu tư tài chính dài hạn	35.4	34.2	3.6%
Tài sản dài hạn khác	347	316	9.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6,244	5,372	16.2%
Nợ ngắn hạn	6,028	5,199	16.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,164	3,422	21.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	671	691	-2.9%
Nợ dài hạn	215	174	23.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	11,533	11,180	3.2%
Vốn chủ sở hữu	11,533	11,180	3.2%
Vốn điều lệ	6,800	3,914	73.7%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

